

MỘT SỐ “HÓA THẠCH” CỦA VĂN HÓA SÔNG NƯỚC TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI DAO VIỆT NAM

Bàn Tuấn Năng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Là tộc người di cư đến Việt Nam trong khoảng từ thế kỷ XII đến thế kỷ XX bằng cả hai đường thủy và bộ, ngày nay người Dao chủ yếu cư trú, canh tác tại các vùng có đồi núi cao thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Quảng Ninh, Hòa Bình, ... Khoảng sau những năm 1990, một bộ phận người Dao di cư vào phía Nam, cư trú tại các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên⁽¹⁾ và Đông Nam Bộ mới có điều kiện canh tác tại khu vực cao nguyên, địa hình tương đối bằng phẳng. Mặc dù cư trú chủ yếu tại khu vực đồi núi, nhưng các nghiên cứu do tác giả tổng hợp, so sánh, đối chiếu trong khoảng 15 năm qua cho thấy dấu tích văn hóa (hóa thạch văn hóa) của nhiều nhóm Dao có liên quan đến văn hóa sông nước. Trong phạm vi bài viết này, xin đưa ra một số chứng tích liên quan đến văn hóa sông nước trong đời sống tâm linh của người Dao ở Việt Nam. Đây cũng là nghiên cứu đầu tiên được công bố về một vấn đề còn khá mới mẻ của người Dao Việt Nam.

Từ khóa: Người Dao Việt Nam, nguồn gốc lịch sử người Dao, hóa thạch ngoại biên, văn hóa sông nước, chứng tích văn hóa.

Nhận bài ngày 16.8.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 20.9.2020

Liên hệ tác giả: Bàn Tuấn Năng; Email: bantuanngang@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn hóa là một khái niệm bao trùm, người tiếp cận với khái niệm này tùy theo tính cách và nhận thức mà có nhiều cách hiểu khác nhau. Văn hóa được xem là khái niệm có liên quan tới mọi lĩnh vực trong đời sống vật chất và tinh thần của con người, là hệ giá trị chỉ có con người tạo ra trong đời sống. Trong phạm vi bài viết này, văn hóa sông nước có thể hiểu là một nội hàm của văn hóa, là sản phẩm của loài người, được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Song chính văn hóa đó lại tham gia vào việc tạo nên con

¹ Sự kiện Hòa Bình lập lại năm 1954 sau hội nghị Gieneve cũng khiến các cha đạo đưa giáo dân người Dao di cư vào một số tỉnh của Tây Nguyên. Nhóm Dao di cư thời điểm này chủ yếu nằm ở Quảng Ninh. Họ di cư vào Đắc Lắc, Gia Lai, ... làm ăn, sinh sống, đến nay đại bộ phận đã trở nên khá giả, việc theo đạo cũng có phần mờ nhạt dần.

người, duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa này cũng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa; được tái tạo và phát triển trong quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. Quá trình di cư, cư trú, sinh sống của người Dao đã làm hình thành trong cộng đồng dân tộc này một tập hợp các biểu tượng liên quan đến văn hóa sông nước với những nét đặc thù riêng. Những dấu tích của đời sống văn hóa sông nước đó đã được phát hiện và giải mã thông qua quá trình nghiên cứu tộc người của tác giả, góp phần làm sáng tỏ thêm về đời sống di cư và kho di sản văn hóa phong phú của dân tộc Dao.

2. NỘI DUNG

Cho đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về người Dao ở Việt Nam, đặc biệt là các nghiên cứu về văn hóa tộc người, lịch sử cư trú. Có thể kể tên một số công trình tiêu biểu như “Người Dao ở Việt Nam” (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1971) của nhóm tác giả Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Đăng Tiến; “Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang” do Phạm quang Hoan và Hùng Đình Quý chủ biên (Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, 1999; “Lễ cấp sắc của người Dao Lô Gang ở Lạng Sơn” của Phan Ngọc Khuê (Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 2003); “Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người của nhóm Dao Tiền ở Ba Bể, Bắc Kạn” của Lý Hành Sơn (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2003). Trong các nghiên cứu về người Dao, một số học giả đã đưa ra những mối nghi ngờ về việc người Dao từng cư trú và là chủ nhân của một vùng đầm lầy, sông nước nào đó, trước khi chuyển lên cư trú trên vùng núi cao như hiện nay. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu để giải mã mối nghi ngờ này. Hiện tại, vấn đề này mới được tác giả bài viết bàn luận đến trong cuốn “Lễ cấp sắc người Dao Việt Nam” (Bàn Tuấn Năng, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, năm 2018) với một thời lượng rất nhỏ. Trong đó, chưa hệ thống và xâu chuỗi các tập hợp ký hiệu – biểu tượng và so sánh với nhiều nhóm Dao khác nhau trên bình diện rộng.

Thực tế cho thấy, nghiên cứu về lịch sử địa bàn cư trú tộc người có ý nghĩa quan trọng. Nó càng trở nên quan trọng hơn khi dân tộc đó đã thiên di hàng nghìn năm lịch sử, và các tài liệu ban đầu về nguồn gốc và lịch sử tộc người gần như không còn hoặc chưa đủ minh chứng xác thực. Tuy nhiên đây lại chính là một lợi thế của giải mã biểu tượng trong nghiên cứu tộc người.

2.1. Các khái niệm cơ bản

Hóa thạch văn hóa: Hóa thạch văn hóa là thuật ngữ nằm trong thuyết truyền bá luận văn hóa. Các nhà truyền bá luận văn hóa cho rằng, văn hóa hình thành tại các trung tâm, lan truyền đến các vùng ngoại vi. Tại trung tâm các văn hóa thường chịu biến đổi mạnh. Tại các “ngoại vi” do đó, sẽ luôn tồn tại các “hóa thạch” văn hóa. Quá trình lan truyền văn hóa cũng đồng thời là quá trình kích thích, tác động, làm cho văn hóa phát triển.

Văn hóa sông nước: Trong nghiên cứu văn hóa, để phân định rõ các vùng văn hóa – cư trú, các nhà nghiên cứu thường chia ra thành các khu vực cụ thể trong quá trình sơ khởi để hình thành văn hóa tộc người vùng Đông Á. Đó là văn hóa khô (kê mạch), văn hóa ướt (lúa

nước); Văn hóa trên núi cao và văn hóa vùng sông nước. Cách phân chia này chủ yếu để xác định rõ các loại hình văn hóa mà tộc người, quá trình tộc người đã sử dụng trong một giai đoạn, một thời kỳ nhất định. Từ đó, các loại hình văn hóa này sẽ ảnh hưởng, tác động như thế nào đến đời sống và diễn trình phát triển của từng tộc người cụ thể, thông qua các giai đoạn lịch sử cụ thể.

Chứng tích văn hóa: Chứng tích văn hóa là danh từ, được hiểu là những dấu vết, vết tích còn lưu lại, có giá trị làm bằng chứng về các sáng tạo văn hóa cho một sự việc đã qua.

2.2. Về nguồn gốc lịch sử

Cho đến nay, vấn đề nguồn gốc lịch sử người Dao vẫn chưa thực sự được các học giả, đưa ra ý kiến thống nhất. Điều này có nhiều lý do chủ quan và khách quan. Tuy nhiên, trong các văn bản cúng của người Dao hầu hết đều nhắc đến Tam Miêu, với người đứng đầu là Xi Vưu. Truyền thuyết của người Hán kể rằng, vào thời tối cổ nổi lên ba bộ lạc: Thần Nông, Hoàng Đế và Xi Vưu. Sự xung đột giữa các bộ lạc dần nảy sinh, dần dần các xung đột giữa Hoàng Đế, Viêm Đế khiến “nước Tam Miêu tiêu vong”. Không bàn luận đến chiến tranh và sự suy vong của Tam Miêu, ở đây, xét về mặt nghĩa của danh từ thời thượng cổ thì Thần Nông vốn đại diện cho Bách Việt, còn Xi Vưu đại diện cho Tam Miêu. Vậy tên Hoàng Đế ngay từ lịch sử hình thành các bộ lạc hẳn đã có điều gì khá gượng ép, bởi “Hoàng Đế” là khái niệm cơ bản được xuất hiện từ thời Tần, khi Tần Thủy Hoàng lên ngôi.

Nền văn minh của các bộ lạc trong quá trình hình thành thường gắn với các con sông. Việc văn minh Bách Việt gắn với sông Dương Tử (Trường Giang) là điều được rất nhiều học giả thừa nhận. Còn văn minh Xi Vưu và nhà nước Tam Miêu thì gần đây, khi nghiên cứu các “hóa thạch” văn hóa trong đời sống người Dao, mới được biết một số nhóm Dao sử dụng hạt vùng, kê,... như một thứ bùa pháp, công cụ truyền lực thần bí khi hành lễ. Chẳng hạn, tại một số nghi lễ quan trọng trong lễ cấp sắc, ông thầy sẽ rắc vào bát nước làm phép một vài hạt vùng để “hóa phép”, tăng sức mạnh,... Bản thân nhóm thầy cúng Dao Tiền, khi hành lễ các trích đoạn quan trọng, đặc biệt là khi cúng ông tổ Bàn Hồ, luôn choàng chiếc váy dài ra ngoài, rồi quán lưng bằng một chiếc thắt lưng dài, hai đầu đính tua rua như hình những chum bông kê. Điều đó chứng tỏ, trong quá khứ, kê – mạch đã từng là một lương thực quan trọng trong đời sống.

Nghiên cứu về sông Hoàng Hà, nhiều học giả trên thế giới cũng từng thừa nhận: sông Hoàng Hà là nơi khởi phát của nền nông nghiệp khô, “văn hóa kê mạch”. Các logic đó khiến hình dung ra địa bàn hình thành tộc người ban đầu của Tam Miêu với sự đứng đầu của Xi Vưu có liên quan mật thiết đến nơi này. Điều này giúp khẳng định, hai dấu ấn hình thành nền văn minh quan trọng buổi đầu: Văn hóa lúa nước của Bách Việt gắn với sông Dương Tử; văn hóa nông nghiệp khô, kê – mạch của Tam Miêu gắn với sông Hoàng Hà. Điều này càng hợp lý hơn khi hầu hết các nghiên cứu đều thừa nhận: khởi đầu của văn hóa người Hán là văn hóa du mục.

Cùng với quá trình Nam tiến của người Hán, các xung đột khiến Xi Vưu và Tam Miêu suy yếu, tiêu vong, li tán xảy ra. Đây là nguyên nhân đầu tiên khiến quá trình chia tách tộc

người diễn ra, từ đó, hình thành tộc Mông/Miêu và Dao. Về sự hình thành tộc Dao, đến nay hầu hết tất cả các nhóm Dao đều sử dụng truyền thuyết về con Long khuyến Bàn Hồ. Tuy nhiên, có mấy điểm cần lưu ý: Thứ nhất, truyền thuyết Bàn Hồ là một truyền thuyết hình thành muộn, khi đã có quan hệ vua – quần thần. Bằng chứng của việc đó là đã có việc nhà vua thưởng công cho Long khuyến Bàn Hồ, gả công chúa và cấp bằng văn cho vào vùng núi Cối Kê sinh sống, lập nghiệp. Thứ hai, truyền thuyết cũng kể rằng, để giết được vua Cao Vương, Long khuyến Bàn Hồ phải bơi 7 ngày 7 đêm đến nơi vua Cao cư trú để lập mưu cản trở vua Cao đến mang về cho Bình Vương. Truyền thuyết cho dù có thể được sáng tạo sau, được phủ bóng của triều đình theo hình thức ban ơn cho người có công, thì cũng vẫn vô tình để lộ ra một điều: tài bơi lội giỏi của Bàn Hồ - thủ lĩnh người Dao. Điều đó cho người nghiên cứu có quyền liên tưởng đến các giải mã liên quan đến văn hóa sông nước trong đời sống của người Dao ở Việt Nam.

Một chi tiết rất lưu ý là đối với nhóm Dao Tiền khăn đen hiện đang cư trú tại tỉnh Sơn La cho biết (có thể đây là nhóm Dao duy nhất của người Dao ở Việt Nam còn giữ được 12 tên đệm trong nội bộ một dòng họ)⁽¹⁾: trong thơ ca và trong văn cúng, nhóm Dao Tiền thường chỉ nhắc đến Bàn Cổ chứ hiếm khi nhắc đến Bàn Hồ (Piền Huồng). Điều này khiến có thể hiểu rằng sự nghi ngờ của một số học giả rằng Bàn Cổ và Bàn Hồ là một, Hán tiến xuống phía Nam, tiếp nhận thần thoại Bàn Cổ về việc khai thiên lập địa của Mông Dao, sau đó làm mờ hóa Bàn Cổ thành Bàn Hồ. Biến Bàn Hồ thành thủ lĩnh Long khuyến có công trong đánh giặc để được cấp đất, phong vương theo quan điểm của triều đình phong kiến là hoàn toàn có cơ sở.

2.2. Hoa văn sóng nước và nghệ thuật chấm hoa văn bằng sáp ong trên vải của người phụ nữ Dao Tiền.

Trong lễ cấp sắc, khi cúng ông tổ Bàn Vương, ông thầy phải mặc váy. Theo người Dao Tiền, do trước đây Bàn Hồ làm rể vua, nên phải mang họ vợ, vì thế, khi cúng phải lấy váy choàng vào. Điều đáng nói, trên thân váy này có in hoa văn sóng nước và hình chùm bông kê. Đây có thể là một biểu hiện còn sót lại của chế độ mẫu hệ (ngay cả trong việc cưới, vai trò của ông cậu cũng rất quan trọng), cũng là một chứng tích biểu hiện đời sống gắn bó với sông nước của người Dao.

Trang phục của phụ nữ Dao Tiền và cách tạo ra hoa văn trên trang phục của người Dao đã được Chu Khứ Phi ở thời Tống mô tả: “Người Di lấy sáp ong để tạo ra hình thù. Cách làm là nấu chảy sáp ong đổ vào các khuôn có sẵn, được những màu sắc rất đẹp trên trang phục”. Sau 1.000 năm, hiện ở Việt Nam chỉ còn nhóm Dao Tiền giữ được nghệ thuật chấm hoa văn bằng sáp ong trên vải. Do đó, về mặt cứ liệu, nó hiển nhiên phải được coi là một “hóa thạch” văn hóa. Qua tài liệu dịch của Triệu Hữu Lý, trong 12 nhóm Dao chuyển cư, nhóm Tiểu Bản man đến đất Việt Nam sớm nhất, nhóm Dao Quần Chẹt đến sau đã thừa nhận

¹ Tư liệu do ông Lý Sinh thuộc nhóm Dao Tiền khăn đen, cư trú tại bản Suối Khem, xã piêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cung cấp.

điều đó. Khảo sát hệ thống hoa văn của tất cả các nhóm Dao ở Việt Nam cho thấy, chỉ có váy của phụ nữ Dao Tiền in hình sóng nước, điều đó giúp liên tưởng rằng khu vực cư trú của người Dao trong giai đoạn nào đó đã gắn chặt với nghề sông nước.

2.3. Các tục thờ cúng có liên quan đến văn hóa sông nước

Với nhóm Dao Quần Chẹt, Dao Nga Hoàng,... trong dịp Tết Thanh Minh, một vật phẩm bắt buộc phải có trong đồ lễ dâng cúng tổ tiên là tôm cá, càng nhiều tôm cá càng tốt. Giải thích về việc này, một số thầy cúng cho rằng: vì khi xưa đói khổ, tha hương, trong dòng họ khi di cư có thể có nhiều người chết yểu, chết không còn rõ nơi để xác, nên phải cúng nhiều tôm cá, càng nhiều đầu càng tốt, để chia cho các cụ. Tuy nhiên, theo quan điểm của người nghiên cứu, đó là một giải thích có phần cảm tính.

Thực tế cho thấy, với các “mật mã” ở phần trên, có thể hiểu, sông nước là một thời kỳ cư trú của người Dao. Ở đó, các vật phẩm như tôm, cá,... trở thành thực phẩm chính để nuôi sống con người. Trong trường hợp này, các hành vi tương tự như việc cúng đồ nếp ở nhiều dân tộc khác: minh chứng của thời kỳ ăn bốc, đồ nếp là chính. Đến khi biển lùi, lúa tẻ ở ruộng nước hình thành, thì đồ nếp trở thành thứ đồ được trân quý hơn, nên các tộc người dành tặng để cúng thần linh sau khi rời bỏ tục ăn bốc để sử dụng đôi đũa với đồ ăn là cơm tẻ. Nghĩa là, tôm cá ở đây cũng được coi như một “hóa thạch” văn hóa. Nhưng ký ức mờ xa khiến chính những người Dao đang thực hành công việc này không còn nhận ra nó, tương tự như nhiều tộc người khác ngày nay đang sử dụng đồ nếp để cúng, dâng lễ mà không hiểu rõ gốc tích ban đầu của nó là khi biển chưa lùi, việc canh tác vẫn ở trên các triền đồi, núi cao.

Ngoài tục thờ cúng vào dịp Tết Thanh Minh, còn phải kể đến nhiệm vụ của con cá trong việc đưa linh hồn người đã mất về đoàn tụ với tổ tiên. Khảo sát nghi lễ tang ma của người Dao Thanh Y, tác giả Diệp Đình Hoa cho biết: “Trên quan tài của người Dao Thanh Y có 1 con cá gỗ. Trước mặt các động làm khu mộ địa của người Dao Thanh y luôn luôn có một con suối. Linh hồn người chết sẽ hòa vào con cá gỗ đó, bơi theo dòng suối, về hướng đông, để hội nhập về vùng đất gốc nơi tổ tiên cư trú ngày xưa” (Diệp Đình Hoa, “Người Dao ở Trung Quốc” (Nxb KHXH, 2002, trang 281).

Trong nghi lễ cấp sắc, các hoa bài cũng được cắt hình con cá, bậc thang bước lên đài thụ lễ cũng được dán các đạo sắc có hình con cá. Con cá có nhiệm vụ đưa linh hồn của người đệ tử thụ lễ thăng hoa để vượt qua cõi dương, về cõi âm tạm nhập (giả chết) nhằm mục đích tái sinh cho người đệ tử trong quá trình hành lễ. Riêng vấn đề này, hầu hết các nhóm Dao ở Việt Nam đều thừa nhận. Ngay cả trong đại lễ cấp sắc 12 đèn của dòng họ người Dao Tiền, biểu tượng chim chỉ xuất hiện một lần, khi phải đưa sớ điệp lên thượng giới cho Ngọc Hoàng. Các nhiệm vụ đưa linh hồn vượt qua cõi dương, đưa linh hồn đệ tử thụ lễ sang cõi âm để cấp bình mã và miếu đàn,... đều do cá đảm nhiệm. Thậm chí, khi tất cả các thầy cúng chuẩn bị cho lễ cấp ấn tín trong đại lễ cấp sắc 12 đèn, họ sẽ phải lộn một vòng trong nhà rồi choàng chiếc chiếu lên đầu để đi ra đài thụ lễ. Chiếc chiếu trong bản chất ký hiệu của người Dao Tiền là chiếc thuyền. Các thầy choàng chiếu để chạy ra miếu đàn thực chất là đang cưỡi

thuyền, vượt biển về với tổ tiên, miếu đàn bên cõi âm để sử dụng binh mã và các quyền năng tối cao của mình để chuẩn bị tiến hành một nghi lễ đặc biệt quan trọng trong lễ cấp sắc 12 đèn cho đệ tử: Cấp ấn tín.

Cũng trong lễ cấp sắc 12 đèn của nhóm Dao Tiên khăn trắng váy dài, có tục bói, tìm và chuộc linh hồn người chết yếu, chết bất đắc kỳ tử, chết khi chưa được cấp sắc,... về đoàn tụ với tổ tiên. Tại lễ này, ông thầy Pát chuôi phải nằm giả chết, để thầy Tẩu sai (thầy thứ hai) đặt lên ngực hai chum nước. Lúc này, hai chum nước tượng trưng cho hai chiếc thuyền. Hồn của ông Pát chuôi sẽ nhập vào hai “chiếc thuyền” này để bói, tìm và xin chuộc linh hồn đang lang thang đâu đó về đoàn tụ cùng tổ tiên. Nghĩa là, hình ảnh con thuyền, con cá,... là biểu tượng gắn chặt với thế giới tâm linh người Dao: Con thuyền, con cá là những biểu tượng của vật chủ trong hành trình tìm kiếm, đưa linh hồn siêu thoát để được đoàn tụ với thế giới của người Dao bên cõi âm.

2.4. Biểu đạt của văn hóa sông nước trên ngôi nhà.

Nhà ở truyền thống của người Dao Việt Nam hiện nay có 3 loại: Nhà sàn, nhà nửa sàn nửa đất và nhà đất. Trừ những ngôi nhà tạm, làm kiểu cột ngoàm, còn lại những ngôi nhà khang trang, tại đầu vì kèo ở khu vực mái hiên thường được chạm trổ hình hoa văn bầu bí và hình con cá. Nếu đặt ở góc nhìn độc lập về kiến trúc và nghệ thuật trang trí nhà ở, hẳn sẽ rất khó tìm được lý do chính đáng về việc tại sao ở trên núi cao mà người Dao lại thường trang trí hình con cá tại đầu các vì kèo phía mái hiên.

Tuy nhiên, xâu chuỗi với các tập hợp biểu tượng liên quan đến văn hóa sông nước ở trên, sẽ thấy rõ các sáng tạo nhằm mục đích trang trí đó có một quá khứ đặc biệt. Nghĩa là, đây cũng được coi là một biểu tượng, một mật mã văn hóa riêng có của người Dao ở Việt Nam: trong quá khứ, họ đã từng là cư dân sinh sống và có một thời kỳ phát triển khá dài tại vùng đầm lầy, sông nước.

Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần giải mã bí ẩn về nguồn gốc lịch sử tộc người Dao mà lâu nay rất nhiều học giả vẫn tranh luận hoặc không chịu thừa nhận những thành tựu sáng tạo buổi đầu của một nền văn minh nông nghiệp khô (kê mạch) tại lưu vực sông Hoàng Hà, mà chủ nhân của nó trước hết là Tam Miêu của Xi Vưu, kể đó mới đến sự góp sức của người Hán trong quá trình tiến xuống đồng bằng và thôn tính Trung Nguyên.

Kết quả nghiên cứu cũng góp phần khẳng định thêm, truyền thuyết về con Long khuyến Bàn Hồ của người Dao chắc chắn là một sản phẩm được sáng tạo về sau, được phủ bóng của Triều đình cai trị theo kiểu văn hóa “ban ơn” cho người có công. Bởi như một số học giả từng nhận định về các biến động, chiến tranh của người Man Di vào đời Chu: “Người ta cho rằng Man Di phồn thịnh, là nhờ dám chống lại người Hoa Hạ” (Trương Thái Du, “Khảo chứng tiền sử Việt Nam”, Nxb Tổng hợp TP HCM, 2018, trang 206). Nghĩa là, với sợi dây liên kết từ niềm tin của người Man Di (Dao) với ông tổ Bàn Hồ (có thể chính là Bàn Cổ), họ đã có thêm sức mạnh để kháng cự, chiến đấu với các tộc người lớn mạnh hơn họ. Đó là lý do mà một nhà cầm quyền thông minh nào đó sẽ phải tìm cách làm mờ hóa nhân vật thủ lĩnh nhằm giảm bớt niềm tin và sợi dây gắn kết. Và đó sẽ là lý do để Long khuyến Bàn Hồ ra đời.

Điều này khác hẳn với lời cúng trong nhiều bài cúng của người Dao, vốn hay nhắc đến hai nhân vật là “Bàn Hồ thánh đế, Bàn Cổ thánh nhân”. Nghĩa là, Bàn Cổ vốn là vị thần sáng tạo ra trời đất chỉ được người Dao tôn làm bậc thánh nhân. Còn bậc cao hơn: thánh đế, họ vẫn kính cẩn dành cho tổ tiên của chính mình.

3. KẾT LUẬN

Với tập hợp hệ thống các biểu tượng liên quan đến văn hóa sông nước đã khảo sát ở trên, rõ ràng, người Dao ở Việt Nam hiện nay đã từng có một quá khứ dài phát triển ở vùng đầm lầy, sông nước. Có một nền văn minh gắn liền với sông nước để sáng tạo ra những giá trị văn hóa riêng có của chính họ. Điều đó giải thích tại sao, vào thế kỷ XVII, khi nhóm Dao quần chẹt ở Phú Thọ đến đất Việt Nam còn đem theo cả Quả Hải Đồ (sơ đồ đường đi vượt biển), còn có nhiều tập ca khúc liên quan đến biển như Phiêu du quá hải, Truyện Đặng Hành và Bàn Đại Hộ.

Cùng với các giải mã ở trên, có thể tạm thời nhận định về nguồn gốc lịch sử người Dao như sau: Giai đoạn nhà nước Tam Miêu của Xi Vưu, chưa tách thành tộc Mông và tộc Dao – họ cư trú tại lưu vực sông Hoàng Hà và canh tác nông nghiệp khô, trước khi tiếp cận với văn hóa lúa nước. Tiếp đó, quá trình thôn tính Tam Miêu đã làm hình thành tộc Mông và Dao. Đến đây, cộng với thành tựu lúa nước hiện có, người Dao lui dần về khu lưu vực sông Dương Tử và cư trú tại vùng Hồ Động Đình (tiếp giáp hai tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc ngày nay). Khi chiến tranh xảy ra, vì có công với vua Bình Vương, nên nhà vua cấp cho vùng núi Cối Kê để sinh sống. Nghĩa là, tính từ thời điểm này trở đi, người Dao mới chính thức phải lên núi cư trú. Điều này cũng có nghĩa, truyền thuyết về con Long Khuyển Bàn Hồ chắc chắn đã có sự nhào nặn, sáng tạo, bổ sung, thêm bớt,... thông qua ý chí và suy nghĩ của người cầm quyền, đứng đầu nhà nước tại thời điểm đó. Hiện, nhiều học giả đã tỏ rõ mối nghi ngờ về sự liên quan giữa ông tổ của người Dao với nhân vật Bàn Cổ - đấng sáng tạo ra trời đất. Bằng chứng là ở một số nhóm Dao di cư đến Việt Nam sớm như Dao Quần trắng ở Yên Bái, Dao Tiền khăn đen ở Sơn La, trong sách cúng chỉ thấy ghi đến Bàn Cổ. Nhân vật có tên Bàn Hoàng, Bàn Vương, Bàn Hồ thường chỉ được nhắc đến trong truyện thơ. Nghĩa là, thần thoại về Bàn Cổ có nhiều liên quan đến nghi lễ tưởng nhớ của người Dao, được người Dao sùng bái, đến một thời đoạn nào đó, cùng với sự lập công của cá nhân đứng đầu người Dao, được phong Vương mà Bàn Cổ đã dần bị biến thành Bàn Hồ, Bàn Hoàng, Bàn Vương,... Cho dù đến thời điểm này (theo chúng tôi là thời điểm muộn của người Dao), khi Bàn Hồ lập công, được cấp đất theo băng văn..., nhân vật thủ lĩnh kế tiếp của người Dao đã bị mờ hóa, thêm thất (long khuyển) thì vẫn để lộ rõ một chứng tích hết sức quan trọng là “tài bơi lội” của thủ lĩnh người Dao để tham gia chiến trận và giành chiến thắng (cần cổ được vua Cao đem về cho vua Bình sau khi bơi 7 ngày 7 đêm đến nơi ở của vua Cao). Mà điều này, trong hành trình tiến xuống thôn tính phương Nam của văn hóa gốc du mục phương Bắc với chủ thể là người Hán, chắc chắn sẽ phải lợi dụng/lạm dụng,... nhằm mục đích làm thế nào để có thể thôn tính văn hóa phương Nam, văn hóa lúa nước một cách thuận lợi nhất. Và như vậy, tổ hợp các biểu tượng liên quan đến văn hóa sông nước của người Dao ở Việt Nam là những mật mã hết sức quan trọng, đánh dấu một giai đoạn phát triển của văn hóa người Dao trong

quá khứ: - giai đoạn từ sông Hoàng Hà đến núi Cối Kê. Bởi từ núi Cối Kê, bằng văn cấp cho còn cháu Bàn Hồ với 12 ngành Dao đã ghi rõ là lên vùng núi để lập nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Thái Du (2018), *Khảo chứng tiền sử Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp TP HCM.
2. Diệp Đình Hoa (2002), *Người Dao ở Trung Quốc* (Qua những công trình nghiên cứu của học giả Trung Quốc), Nxb. KHXH.
3. Nhiều tác giả (2000), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nxb. VHDT.
4. Bàn Tuấn Năng (2019), *Lễ cấp sắc của người Dao ở Việt Nam*, Nxb. VHDT.

SOME FOSSILIZED ARTIFACTS OF WATER-RIVER CULTURE IN THE DAO ETHNIC'S LIFE IN VIETNAM

Abstract: *The Dao ethnic group that emigrated to Vietnam from the 12th century is now living and cultivating in mountainous areas in Northwest provinces, including Cao Bang, Bac Kan, Thai Nguyen, Ha Giang, Tuyen Quang, Yen Bai, Lao Cai, Lai Chau, Son La, Dien Bien, Quang Ninh, and Hoa Binh. From the 1990s, some segments of Dao ethnics have moved toward the South and lived in Highland and Southeast regions. Research findings gathered by the author over the last 15 years show fossilized artifacts related to the water-river culture. This paper introduces some evidence indicating water-river culture in the Dao ethnics' spiritual life in Vietnam.*

Keywords: *Peripheral fossilization, water-river culture, cultural artifacts.*